

## HAI NHÀ VIỆT NAM HỌC: NHAN BẢO, LA TRƯỜNG SƠN VỚI “BÀ CHÚA THƠ NÔM”

THE “QUEEN OF NOM POETRY” THROUGH THE EYES OF TWO  
VIETNAMESE STUDIES SCHOLARS - NHAN BAO AND LA TRUONG SON

Nguyễn Văn Hoài\*

### 1. Tổng quan tình hình giới thiệu, nghiên cứu Hồ Xuân Hương của học giới Trung Quốc

Nhìn chung, đến thời điểm hiện tại, số công trình giới thiệu, nghiên cứu về Hồ Xuân Hương của học giới Trung Quốc còn khá ít ỏi. Theo chúng tôi, số công trình này có thể chia làm hai nhóm: *thứ nhất là*, những bài viết giới thiệu tác gia, khái quát thành tựu văn học và phiên dịch giới thiệu tác phẩm; *thứ hai là*, những bài nghiên cứu chuyên sâu về tác giả và tác phẩm.

#### *Nhóm thứ nhất*

Về từ điển, có thể xem mục từ “Huchunxiang - 胡春香 - Hồ Xuân Hương” 237 chữ, do Lu Úy Thu 卢蔚秋 viết trong quyển *Văn học nước ngoài I* thuộc bộ *Trung Quốc đại bách khoa toàn thư* (1985: 442). Tiếp sau đó, rất nhiều bộ từ điển khác đều có mục từ “Hồ Xuân Hương”. Chẳng hạn: Bộ *Văn học bách khoa đại từ điển* do Hồ Kính Thụ - Trần Hữu Tiến - Vương Phú Nhân... chủ biên, NXB Hoa Linh (胡敬署、陈有进、王富仁等主编. 文学百科大辞典. 华龄出版社), dành 176 chữ giới thiệu nữ thi nhân; Bộ *Ngoại quốc văn học đại từ điển* do Điều Thiệu Hoa - Lu Khang Hoa - Cao Văn Phong - Ngụy Khắc Tín... chủ biên, NXB Giáo dục Cát Lâm (刁绍华、卢康华、高文凤、魏克信等主编. 外国文学大词典. 吉林教育出版社), cũng dành 176 chữ giới thiệu về nữ thi sĩ; Bộ *Đông phương văn hoá từ điển* do Cư Tam Nguyên - Trương Điện Anh - Diệp Dịch Lương... chủ biên, NXB Đại học Bắc Kinh (居三元、张殿英、叶奕良等主编. 东方文化词典. 北京大学出版社), đã dành 187 chữ giới thiệu về nữ thi thánh; Bộ *Đông phương văn học từ điển* do Quý Tiễn Lâm - Lưu An Vũ chủ biên, NXB Giáo dục Cát Lâm (季羨林、刘安武主编. 东方文学辞典. 吉林教育出版社), dành đến 255 chữ giới thiệu về Bà Chúa thơ Nôm<sup>1</sup>.

Về bài viết và sách giới thiệu tác giả, phiên dịch tác phẩm thì hiện tại chúng tôi có các công trình sau đây của chuyên gia La Trường Sơn:

- (1) Bài “Nữ thi nhân cổ điển Việt Nam Hồ Xuân Hương và thơ của bà” đăng trên *Đông Nam Á tung hoành* (La Trường Sơn 1993).

\* Thạc sĩ, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM.

<sup>1</sup> Thông tin, số liệu bốn bộ từ điển được dẫn tiếp sau bộ *Trung Quốc đại bách khoa toàn thư* 1985, người viết dựa vào bản điện tử của các bộ từ điển này trên trang web CNKI 学问, xem 8/7/2017: <http://xuewen.cnki.net/SearchEntry.aspx?code=&key=%E8%83%A1%E6%98%A5%E9%A6%99&bid=&cid=&type=&sort=0&otype=0&page=1>.

- (2) Bài “*Lưu Hương ký Hán Nôm thi văn tuyển*” đăng trên *Đông Nam Á tung hoành* (La Trường Sơn 1995).
- (3) Bài “Dịch, chú và bình luận, giới thiệu năm bài thơ đề vịnh Hạ Long của Hồ Xuân Hương” đăng trên *Quảng Tây Giáo dục học viện học báo* (La Trường Sơn 1999).
- (4) Bài “Dịch, chú và bình luận, giới thiệu năm bài thơ đề vịnh Hạ Long của Hồ Xuân Hương” tiếp theo, đăng trên *Quảng Tây Giáo dục học viện học báo* (La Trường Sơn 2000).
- (5) Đặc biệt là công trình song ngữ Việt - Hán do ông chú dịch và bình giải: *Tuyển tập thơ Hán Nôm Hồ Xuân Hương - Việt Nam nữ thi thánh Hồ Xuân Hương Hán Nôm truyền tụng thi tuyển* (La Trường Sơn 2001). Công trình này có thể nói, căn bản là được biên tập lại từ bốn bài viết trên mà thành.

Cũng có thể xếp phần giới thiệu về tác gia Hồ Xuân Hương ở chương 10 “Văn học trung cổ Việt Nam” trong quyển *Lịch sử văn học Á Phi* vào nhóm này (Chu Duy Chi 1983).

Nói thêm, ngoài mấy công trình nói trên còn có bài “Vài nét về thơ Hồ Xuân Hương ở nước ngoài” của Nguyễn Khắc Phi<sup>2</sup> được Lý Hoa dịch đăng trên *Đông Nam Á tung hoành* (Nguyễn Khắc Phi 1997). Bài phiên dịch này sau đó cũng được in lại trong quyển *Việt Nam nữ thi thánh Hồ Xuân Hương Hán Nôm truyền tụng thi tuyển* đã nói ở trên của La Trường Sơn. Trong bài viết này, Nguyễn Khắc Phi cũng có thông tin rằng: “Ở Trung Quốc, cuối những năm 50 của thế kỷ XX, GS Hoàng Dật Cầu đã viết một số công trình giới thiệu văn học cổ điển Việt Nam, song, thơ Hồ Xuân Hương chỉ mới được điểm qua vài bài” (Nguyễn Khắc Phi 2001: 197). Do điều kiện tìm tài liệu khá khó khăn nên người viết chưa có công trình này của Hoàng Dật Cầu để xem cụ thể ông giới thiệu thơ Hồ Xuân Hương như thế nào.

Đáng lưu ý là công trình phiên dịch, giới thiệu thơ Hồ Xuân Hương được xuất bản bằng tiếng Việt ở Việt Nam của GS Nhan Bảo: *Phát hiện mới về Hồ Xuân Hương (Một số dị bản thơ Nôm Hồ Xuân Hương mới tìm thấy)* (Nhan Bảo 2000). Ở “Danh mục một số công trình tiêu biểu của Giáo sư Nhan Bảo” trong sách này chúng tôi thấy kê 16 công trình biên khảo của ông về văn học, văn hóa Việt Nam (giáo trình, sách, bài báo) và 14 công trình dịch thuật từ Việt sang Trung. Về văn học cổ, có những công trình chính yếu sau:

- (1) *Giới thiệu văn học sử Việt Nam*. 1955. Giáo trình.
- (2) *Sự phát triển của thơ ca Việt Nam*. 1955. Giáo trình.
- (3) *Văn học sử Việt Nam*. 1956. Giáo trình.
- (4) *Nguyễn Đình Chiểu, nghĩa sĩ đầu tranh chống Pháp ở miền Nam Việt Nam*. 1957. Giáo trình.
- (5) *Nguyễn Du một nhà văn yêu nước và Truyện Kiều*. 1960. Giáo trình.
- (6) *Nguyễn Trãi một nhà nho và nhà văn kiệt xuất*. 1962. Giáo trình.

<sup>2</sup> Đăng ở báo *Người Hà Nội*, số 11 ngày 15/3/1997.

(7) *Bàn về Hồ Xuân Hương*. 1962. Bài nói chuyện tại Đại hội kỷ niệm 90 năm Trường Viễn Đông Bác Cổ tại Hà Nội (Viết bằng tiếng Việt).

(8) *Văn học sử Việt Nam*. 1979. Viện Khoa học Trung Quốc hiệu đính (Dịch từ Việt sang Trung).

Ông còn dịch *Lịch sử Việt Nam*, *Văn học sử hiện đại Việt Nam* và dịch giới thiệu thơ Tố Hữu, Huy Cận, tiểu thuyết, truyện ngắn hiện đại Việt Nam,... (Nhan Bảo 2000: 98-100).

Ngoài bài viết số 7 ra, chúng tôi nghĩ rằng, trong các công trình nêu trên thì công trình số 1, 2, 3 chắc cũng có viết về Hồ Xuân Hương. Nhưng tiếc rằng hiện tại chúng tôi không có điều kiện để tìm những tác phẩm này.

Vậy có thể nói, Nhan Bảo là người Trung Quốc giới thiệu, nghiên cứu về Hồ Xuân Hương sớm nhất.

### ***Nhóm thứ hai***

Nổi bật trong nhóm này là ba bài viết của Tạ Na Phi, người nghiên cứu khá chuyên sâu về Hồ Xuân Hương, đó là:

(1) Bài “So bộ luận bàn về phức cảm Nho Phật Đạo tiềm tàng trong nữ thi nhân Hồ Xuân Hương” đăng trên *Quảng Tây Sư phạm học viện học báo* (Tạ Na Phi 2004).

(2) Bài “Tìm hiểu nội dung tư tưởng thơ ca của nhà thơ Việt Nam Hồ Xuân Hương” đăng trên *Quảng Tây Sư phạm học viện học báo* (Tạ Na Phi 2007a).

(3) Bài “Luận giải gien văn hóa Hán trong thơ ca của nhà thơ Việt Nam Hồ Xuân Hương” đăng trên *Quảng Tây Dân tộc đại học học báo* (Tạ Na Phi 2007b).

Ngoài ba bài nói trên, còn có một công trình nghiên cứu chuyên biệt nữa về Hồ Xuân Hương, đó là bài “Ý thức nhân văn trong thơ ca chữ Nôm của nữ thi nhân cổ điển Việt Nam Hồ Xuân Hương” đăng trên *Đông Nam Á tung hoành* của Kỳ Quảng Mưu, giáo sư của Học viện Ngoại ngữ Lạc Dương (Kỳ Quảng Mưu 2015).

Cũng có thể kể thêm ba bài tuy không viết riêng về Hồ Xuân Hương, nhưng ít nhiều có đề cập đến bà là:

(1) “Văn học nữ giới Việt Nam thời cổ” của Dư Phú Triệu (Dư Phú Triệu 1999);

(2) “So sánh văn học nữ giới Trung - Việt thời cổ” của Tạ Na Phi (Tạ Na Phi 2010);

(3) “So sánh ý thức nữ giới trong thơ ca của hai nữ thi nhân Trung Quốc, Việt Nam Tiết Đào và Hồ Xuân Hương” của Lý Ninh Ninh (Lý Ninh Ninh 2017).

Qua những công trình nêu ở trên, chúng tôi thấy: Có công lớn trong việc phiên dịch, giới thiệu tác phẩm của Hồ Xuân Hương sang Hán ngữ, góp phần giúp học giới Trung Quốc tìm hiểu giá trị thi ca độc đáo của bà là GS Nhan Bảo và chuyên gia La Trường Sơn. Nhan Bảo (1922-2014), giáo sư của Khoa Đông Nam Á, Học viện Ngoại ngữ - Đại học Bắc Kinh, là một học giả nổi tiếng, lúc trẻ đã sang Việt Nam, từng học ở các trường Thăng

Long, Bưởi và Kỹ nghệ (Hà Nội) trên 10 năm, rất giỏi tiếng Việt, rất giỏi chữ Nôm. La Trường Sơn là một chuyên gia tinh thông tiếng Việt, vì đã từng sinh sống ở nước ta từ nhỏ trước khi về công tác ở Học viện Giáo dục Quảng Tây - Trung Quốc; Người có nhiều bài nghiên cứu chuyên biệt về nữ thi sĩ là Tạ Na Phi (ThS, Giảng viên của Viện Ngôn ngữ Văn học Trung Quốc - Học viện Sư phạm Quảng Tây).

Có thể nói, khảo sát mảng tư liệu của Việt Nam được dẫn trong các công trình giới thiệu, nghiên cứu về Hồ Xuân Hương nói trên, cũng phản ánh được phần nào tình hình tiếp cận tư liệu nghiên cứu của học giới Trung Quốc hiện nay.

## 2. Tình hình tiếp cận tư liệu về Hồ Xuân Hương ở Việt Nam của học giới Trung Quốc

Một trong những yếu tố quan trọng tạo nên độ chuyên sâu và chất lượng của một công trình nghiên cứu văn học nước ngoài là khả năng tiếp cận tài liệu gốc hay tài liệu viết bằng ngôn ngữ của nền văn học đó. Nếu người nghiên cứu chỉ đọc tác phẩm, hoặc công trình nghiên cứu về tác phẩm/tác giả thông qua một ngôn ngữ thứ hai thì tất nhiên sẽ ảnh hưởng không ít đến độ chuyên sâu, tính khả tín khoa học. Do vậy, tiếp cận được tài liệu viết bằng chữ Nôm và tiếng Việt là một trong những thước đo quan trọng đối với việc thâm nhập tìm hiểu tác giả Hồ Xuân Hương.

Qua khảo sát những công trình giới thiệu, nghiên cứu được dẫn ở trên chúng tôi thấy, ngoài GS Nhan Bảo ra thì hầu như các nhà nghiên cứu Trung Quốc còn lại không dùng tài liệu gốc nào được viết bằng chữ Nôm, còn về tài liệu tiếng Việt (chữ Quốc ngữ hiện hành) thì tình hình như sau:

### *Các công trình của La Trường Sơn*

- Bài báo năm 1993, ngoài hai quyển lịch sử Việt Nam được dịch ra tiếng Trung thì ông có tham khảo, dẫn dụng ba tài liệu là:

- (1) *Hồ Xuân Hương thi tuyển*. 1987. Sở Văn hóa - Thông tin Hà Nam Ninh.
- (2) *Lịch sử văn học Việt Nam*. 1980. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- (3) *Từ điển văn học*. 1983. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.

- Bài báo năm 1995 chỉ sử dụng một công trình là: Đào Thái Tôn. 1993. *Thơ Hồ Xuân Hương từ cội nguồn vào thế tục*. Hà Nội: NXB Giáo Dục.

- Bài báo năm 1999 sử dụng ba công trình là:

- (1) Hoàng Xuân Hãn. 1995. *Hồ Xuân Hương - thiên tình sử*. Hà Nội: NXB Văn học.
- (2) Đào Thái Tôn. 1993 (Tlđđ).
- (3) Đào Duy Anh. *Lịch sử cổ đại Việt Nam* (không thấy ghi năm và nhà xuất bản).

- Bài báo năm 2000 không dẫn dụng công trình nào.

- Công trình *Tuyển tập thơ Hán Nôm Hồ Xuân Hương - Việt Nam nữ thi thánh Hồ Xuân Hương Hán Nôm truyền tụng thi tuyển*: Như đã nói ở trên, công trình này căn bản là được biên tập lại từ bốn bài viết trên mà thành, không có thêm tài liệu tiếng Việt nào.

Sở dĩ, bốn bài báo mà La Trường Sơn chỉ dẫn dụng sáu công trình tiếng Việt là vì đây đều là những công trình phiên dịch, giới thiệu, không nhất thiết phải dùng nhiều tài liệu tiếng Việt. Ngược lại, phần chú thích trong từng bài thơ thì ta thấy ông dẫn dụng rất nhiều thư tịch tiếng Hán.

### ***Các công trình của Tạ Na Phi***

Bài năm 2004 và 2007b của Tạ Na Phi chỉ sử dụng duy nhất công trình song ngữ Việt - Hán *Hồ Xuân Hương Hán Nôm truyền tụng thi tuyển* (La Trường Sơn 2001), nhưng có thể nói đây không phải là tác phẩm của người Việt; Bài năm 2007a của Tạ Na Phi cũng dùng tài liệu La Trường Sơn 2001 ở trên và có dẫn một bài viết của Ngô Đức Thịnh<sup>3</sup>. Bài năm 2010 không dẫn một tài liệu tiếng Việt nào.

### ***Công trình của các nhà nghiên cứu khác***

- Bài viết năm 2015 của Kỳ Quảng Mưu có dẫn dụng, tham khảo các tài liệu sau:

- (1) Lại Nguyên Ân - Bùi Văn Trọng Cường. 1997. *Từ điển văn học Việt Nam, từ nguồn gốc đến hết thế kỷ XIX*. Hà Nội: NXB Giáo Dục.
- (2) Đỗ Thị Hào (chủ biên). 2010. *Các nữ tác gia Hán Nôm Việt Nam*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- (3) Nguyễn Lộc. 2001. *Văn học Việt Nam (nửa cuối thế kỷ XVIII - hết thế kỷ XIX)*. Hà Nội: NXB Giáo Dục.
- (4) Lữ Huy Nguyên. 2006. *Hồ Xuân Hương - thơ và đời*. Hà Nội: NXB Văn học.

- Bài viết năm 1999 của Dư Phú Triệu không thấy ghi một tài liệu tham khảo nào.

- Bài viết năm 2017 của Lý Ninh Ninh vì chúng tôi không tải xuống được nên chưa rõ có sử dụng tài liệu tiếng Việt nào không.

Tình hình sử dụng tài liệu nghiên cứu như trên cho thấy các nhà nghiên cứu Trung Quốc tiếp cận các công trình viết bằng tiếng Việt của học giới Việt Nam hãy còn ít ỏi, sơ sài. La Trường Sơn và Kỳ Quảng Mưu có dẫn dụng một số tài liệu tiếng Việt, còn những người khác hầu như không có. Điều đó cho thấy các nhà nghiên cứu Trung Quốc thế hệ sau Nhan Bảo, La Trường Sơn chỉ mới bước đầu thâm nhập thơ Hồ Xuân Hương, nội lực nghiên cứu hãy còn hạn chế. Thực trạng thiếu vắng tài liệu bản ngữ trong các công trình nghiên cứu đó, có thể nói, đã ảnh hưởng ít nhiều đến nội dung nghiên cứu.

Do khuôn khổ bài viết có hạn, dưới đây chúng tôi xin giới thiệu GS Nhan Bảo và chuyên gia La Trường Sơn, hai vị có công lớn trong việc phiên dịch, giới thiệu Hồ Xuân Hương sang thế giới Hán ngữ.

<sup>3</sup> Ngô Đức Thịnh 吴德盛. 1997. “Việt Nam dân gian tín ngưỡng trung đích sinh thực sùng bái 越南民间信仰中的生殖崇拜” [J]. *Dân tộc nghệ thuật 《民族艺术》*, số 3.

### 3. Việc phiên dịch, giới thiệu thơ ca Hồ Xuân Hương của La Trường Sơn và Nhan Bảo

Việc phiên dịch, giới thiệu thơ Hồ Xuân Hương sang Hán ngữ một cách có hệ thống khá muộn và có thể xem La Trường Sơn là người đầu tiên làm việc này. Năm 1993, khi công bố bài báo đầu tiên phiên dịch, giới thiệu thơ bà, ông nói: “Hồ Xuân Hương, đối với độc giả thông thường của nước ta mà nói, có lẽ là một cái tên khá xa lạ. Những tác phẩm tiêu biểu của bà, ở nước ta dường như vẫn chưa có một công trình nào giới thiệu một cách có hệ thống” (La Trường Sơn 1993: 30).

La Trường Sơn đã phiên dịch, giới thiệu thơ Hồ Xuân Hương cụ thể thế nào? Vì bốn bài viết giới thiệu thơ Hồ Xuân Hương của ông sau đó được biên tập lại in thành công trình song ngữ Việt - Hán *Tuyển tập thơ Hán Nôm Hồ Xuân Hương - Việt Nam nữ thi thánh Hồ Xuân Hương Hán Nôm truyền tụng thi tuyển*, nên số liệu mà chúng tôi tổng kết dưới đây là căn cứ vào quyển này:

- Phần thơ Nôm truyền tụng của nữ thi nhân ông đã phiên dịch và bình luận, giới thiệu 40 bài.
- Ông cũng đã phiên dịch và bình luận, giới thiệu 31 bài thơ chữ Hán, chữ Nôm của Hồ Xuân Hương và những người khác trong tập *Lưu Hương ký*.
- Ngoài ra, còn dịch ra bạch thoại, chú thích và bình luận, giới thiệu 5 bài thơ chữ Hán Hồ Xuân Hương đề vịnh vịnh Hạ Long.

Nhìn chung, La Trường Sơn đã phiên dịch, giới thiệu được căn bản thơ chữ Nôm và chữ Hán được xem là của Hồ Xuân Hương. Như chúng ta đã biết, theo học giới Việt Nam thì căn bản có ba chân dung Hồ Xuân Hương khác nhau: (a) Một Hồ Xuân Hương là tác giả của những bài thơ Nôm truyền tụng như *Quả mít*, *Ốc nhồi*,...; (b) Một Hồ Xuân Hương không phải là tác giả của những bài thơ Nôm nói trên; (c) Một Hồ Xuân Hương có cả thơ chữ Nôm và chữ Hán, là tác giả của những bài thơ Nôm truyền tụng, của những bài thơ trong tập *Lưu Hương ký* và năm bài thơ đề vịnh vịnh Hạ Long. Qua công trình của La Trường Sơn, ta thấy ông đã mặc nhận chân dung thứ ba (c) của Hồ Xuân Hương. Tuy nhiên, ông cũng lưu ý độc giả rằng: “Về cuộc đời và tác phẩm của Hồ Xuân Hương, thì đến nay vẫn là một “câu đố” chưa thể giải được hoàn toàn!” (La Trường Sơn 2001: 22). Điều đó chứng tỏ La Trường Sơn đã tiếp nhận khá tường tận những kiến giải khác nhau của học giới Việt Nam về tác gia đặc biệt như Hồ Xuân Hương.

Nhìn chung, trên cơ sở tiếp thu những công trình nghiên cứu về Hồ Xuân Hương của học giới Việt Nam, La Trường Sơn đã bước đầu giới thiệu cho độc giả Hán ngữ những giá trị chính yếu trong thơ Hồ Xuân Hương, đó là: tinh thần nhân văn sâu sắc, tư tưởng chống lễ giáo phong kiến mạnh mẽ, tính trào phúng sắc sảo, màu sắc dân gian đậm đà. Về dịch thuật thì ông đã chứng tỏ là một người rất tinh thông tiếng Việt và tiếng Hán. Những tinh thần và đặc điểm cốt lõi nói trên của thơ Hồ Xuân Hương đã được ông chuyển tải khá trung thành qua những bản dịch thơ Đường luật. Nhưng cũng phải nói rằng, dịch thơ của nữ thi thánh là một thách thức đối với bất kỳ dịch giả nào và bất kỳ ngôn ngữ nào: những khuôn

vẫn gọi nghĩa hiểm hóc, lối nói đa nghĩa tinh tế, kiểu nói lái độc đáo chỉ riêng có trong tiếng Việt, là một thành lũy ngôn ngữ khó vượt qua đối với dịch giả. Chẳng hạn, bài *Kiếp tu hành* được La Trường Sơn dịch như sau<sup>4</sup>:

*Tu hành kiếp trọng như phụ lạc/ luò*  
*Nại hà nhất niệm nan siêu thoát/ tuō*  
*Từ hàng diệc phán Tây Trúc quy/ guī*  
*Chỉ duyên nghịch phong giáo phạm sách/ suǒ*

Ta thấy, về mặt nghĩa thì dịch giả đã dịch khá trung thành với nguyên tác (câu hai hơi chệch ý), người dịch cũng đã chú ý chọn khuôn vần “luò - tuō - suǒ” để phần nào lột tả được khuôn vần hiểm hóc “đeo - teo - lèo” trong nguyên tác, nhưng không dịch được từ láy “tèo tèo teo” và đặc biệt là hai từ nói lái “đá đeo” và “lộn lèo”. Để cho độc giả hiểu được cái nghĩa hết sức tế nhị của từ “lộn lèo”, dịch giả phải thuyết minh nó trong phần “bình giới” như sau:

*Ngữ “giáo phạm sách” trong bài thơ tương đồng với nghĩa đen trong tiếng Việt. Nhưng theo cách đọc đảo âm trong nguyên văn, thì rõ ràng hàm chứa ý châm biếm, trêu chọc đối với những kẻ tu hành chưa thoát khỏi “dâm niệm”, không cách nào đến được “Tây Thiên” lấy kinh. Đây là một đặc điểm sáng tạo nghệ thuật trong thơ Hồ Xuân Hương. (La Trường Sơn 2001: 45)*

Song, mấy dòng thuyết minh trên thật khó để người đọc bình thường, không biết tiếng Việt, tự mình hiểu được. Tương tự như vậy, những khuôn vần đầy tính hình ảnh như “om”, “am-oam”, “ui-ôi” trong các bài như *Hang Cốc Cốc*, *Hang Thánh Hoá*, *Trống thung* có thể xem là tử vận đối với thơ tiếng Hán; những từ láy như “hồm hồm hom”, “toen hoئن”, “phập phòm” (*Hang Cốc Cốc*),... thật là nan giải. Chúng tôi thấy người dịch đã cố gắng lột tả chúng với tất cả khả năng của mình. Nhưng với những từ ngữ nói lái “đặc sản” của tiếng Việt như “đáo nơi neo”, “đếm lại đeo” (*Chùa Quán Sứ*) thì chuyên gia La Trường Sơn cũng đành thúc thủ.

Mặc dù hết sức trân trọng công sức của La Trường Sơn, nhưng chúng tôi thấy công trình này hãy còn tồn tại một khiếm khuyết khá quan trọng, đó là phần chú thích và bình giới của dịch giả còn quá sơ sài. Không ít bài thơ của Hồ Xuân Hương nếu không chú thích rõ ràng thì người đọc khó mà thấy được những ý tứ ẩn tàng sau câu chữ, sẽ khó mà tiếp nhận được cái tính lấp lửng hai mặt độc đáo trong thơ bà. Thí dụ, cặp câu 3-4 và 5-6 ở bài *Quan thị (Vô âm nữ)* dịch là:

鼯鼠嘻嘻任它笑,  
 马蜂嗡嗡当耳铃。

<sup>4</sup> Để độc giả tiện so sánh vần giữa nguyên tác và bản dịch, chúng tôi phiên âm Hán Việt và chua kèm âm tiếng Trung Quốc phổ thông ở những chữ cuối.

是枝是叶谁分晓，  
是柄是顶谁辨清。

Câu chữ ở bản dịch khá sát với nguyên tác, nhưng ông không chú thích chữ nào, còn ở phần bình giới chỉ giải thích như sau:

*Ngoài ra, hình ảnh được miêu tả trong hai liên 2, 3, là được nhà thơ tái sáng tạo nhũ hóa ca dao, ngôn ngữ thô tục trong dân gian, cho thấy nhà thơ tài tình trong việc hấp thu dưỡng chất từ trong ca dao dân gian, nhưng lại không sa vào dân tục. (La Trường Sơn 2001: 69-70)*

Mấy dòng trên đối với độc giả không am tường tiếng Việt thì chẳng khác nào một sự đánh đố. Nếu không giải thích hai câu “Rúc rích thây cha con chuột nhất/ Vo ve mặc mẹ cái ong bầu” là được tác giả lấy ý từ các câu ca dao: “Con gái mười bảy mười ba/ Đêm nằm với mẹ chuột tha mắt l...”, “Bà già đánh trống long bong/ Vừa đi vừa nhảy con ong đốt l...”; hoặc hai câu “Đố ai biết đố vòng hay tróc/ Còn kẻ nào hay cuống với đầu” là được lấy ý từ hai câu tục ngữ “Ngồi: lá vòng; chồng mông: lá tróc”, “Đầu trở xuống, cuống trở lên”, thì ngay cả người Việt bình thường cũng chưa chắc đã hiểu được cái ý được ngụ ý trong khéo léo trong các câu thơ đó.

Ngoài ra, chúng tôi thấy, khi phiên dịch thơ Hồ Xuân Hương, dịch giả dường như không tham chiếu các bản chữ Nôm nên dẫn đến một số lỗi, mà những lỗi này có thể kéo theo việc tiếp nhận lệch lạc ý thơ ở nguyên tác. Chẳng hạn, trong bài *Đề tranh tố nữ*, cặp câu 5 và 6 phần tiếng Việt ghi là:

*Phiêu mai chi dám tình trăng gió  
Bồ liễu thôi danh (sic!: đành) phận mông manh*

Và bản dịch thơ tiếng Hán dịch thế này:

蒲柳甘居薄命苦，  
飘梅岂敢风月情。

(Bồ liễu cam cư bạc mệnh khổ/

Phiêu mai khởi cảm phong nguyệt tình – NVH phiên âm)

Tiếp đó, người dịch chú thích hai chữ “phiêu mai” như sau:

飘梅:随风飘落的梅花。此亦借喻“弱女子”。(La Trường Sơn 2001: 37-38)

(Phiêu mai: hoa mai theo gió rụng rơi. Từ này cũng dùng để ví “thân gái yếu ớt” - NVH dịch)

Chúng tôi nghĩ rằng, nếu như người dịch tham chiếu cẩn thận các bản Nôm hoặc chữ Quốc ngữ thì đã không mắc phải một lỗi đáng tiếc ở bản dịch thơ và chú thích như vậy. Thí



dụ, chỉ cần xem các bản Nôm thơ Hồ Xuân Hương trong công trình của Nhan Bảo (2000) hay bản *Thơ Hồ Xuân Hương* của Nguyễn Lộc (1982) thì sẽ thấy hai chữ “phiêu mai” đó là “phiếu/xiếu mai”. Câu thơ này dùng điển lấy từ bài *Phiếu hữu mai* 標有梅 (Mơ rụng) trong *Kinh Thi*, nói về tình cảnh trông chờ của một cô gái đến tuổi lấy chồng, ở đây ý chỉ phận gái. Chúng tôi thấy lỗi này chuyển gần như nguyên vẹn từ bài báo năm 1993 sang quyển sách năm 2001.

Có thể nói, qua những vần thơ chuyên ngữ khá “tín, nhã” chúng ta thấy một La Trường Sơn đầy tâm huyết, yêu thơ Xuân Hương như yêu tiếng ru của mẹ. Cũng phải thôi, vì Việt Nam đã từng là quê hương của ông! Đó là tâm trạng “Khước vọng Tinh Châu thị cố hương” (Già Đào) hay “Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở/ Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn!” (Chế Lan Viên). Đúng như lời tâm tình của dịch giả trong bài thơ *Vì sao tôi dịch thơ Hồ Xuân Hương* được in ở phần đầu sách:

*Thơ Hồ Xuân Hương*  
*Rất Việt Nam*  
*Đọc thơ Bà*  
*Tiếng Việt nghe sao du dương*  
*Lại thêm đậm đà*  
*Còn khi dịch ra chữ Hán*  
*Thư (sic!: thi) vị bị pha nhạt*  
*Nhưng tôi vẫn cố gắng*  
*Dịch sao cho sát ý sát lời*  
 [.....]  
*Dịch sao cho chữ Nôm chuyển vần*  
*Chữ Hán lưới tình sánh đôi*  
*Cho độc giả Trung Quốc cũng như tôi*  
*Thích “Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi”*  
*Của Bà “Xuân Hương mới quệt rồi!”*  
 (La Trường Sơn 2001: 15)

Như đã đề cập, công trình giới thiệu thơ Hồ Xuân Hương đáng chú ý thứ hai là quyển *Phát hiện mới về Hồ Xuân Hương* do nhà Việt Nam học uyên thâm Nhan Bảo biên soạn. Ông đã phiên âm thơ và dịch nguyên chú 203 bài thơ trong năm tài liệu sau: A. *Xuân Hương di cao* (trong *Quốc âm thi tuyển*): 29 bài; B. *Xuân Hương thi tập*: 73 bài; C. *Hồ Xuân Hương thi tập* (trong *Đại Nam đối thi*): 49 bài; D. *Hồ Xuân Hương thi* (trong *Nam âm thi tập*): 16 bài; E. *Đại Nam đối liên thi tập*: 36 bài (Trong *Lời đề dẫn* ghi tổng cộng là 213 bài, nhưng thực tế chúng tôi chỉ thấy có 203 bài thôi. Chắc là có nhầm lẫn).

Chúng tôi chưa rõ công trình này đã được chuyển dịch sang tiếng Hán hay chưa, nhưng bản phiên âm 203 bài thơ có kèm theo hình ảnh bản gốc là một tài liệu tham khảo có giá trị

đối với học giới Việt Nam. Qua năm văn bản được soạn giả phiên âm, dịch nguyên chú cẩn trọng, cho ta thấy tình trạng dị bản “muôn hồng nghìn tía” đáng lưu tâm ở mảng thơ Nôm truyền tụng của Hồ Xuân Hương. Để độc giả tiện hình dung, chúng tôi xin dẫn bài được đánh số A7 *Núi Ba Đèo* và chua dị bản ở các bản B, C, D, E dưới từng câu (chữ đứng in đậm là dị bản):

### *Núi Ba Đèo*

(B26: **Thơ vịnh núi Ba Đèo**; C3 và D16: **Vịnh Ba Đèo**; E7: **Đèo Ba Dội**)

*Một đèo một đèo lại một đèo*

(C3: **Trèo qua một đèo**; D16: **Một đèo rồi lại tới một đèo**; E7: **Qua một đèo lại lại một đèo**)

*Khen ai khéo vẽ cảnh cheo leo*

(C3: **Nhìn xem phong cảnh cũng cheo leo**; E7: **Ai khéo vẽ nên cảnh cheo leo**)

*Cửa sơn tím ngắt lơ thơ mọc*

(C3: **Cửa sơn thắm hoét lồng lộng mọc**; D16: **Cửa sơn tái ngắt lơ thơ nóc**; E7: **Nhà sơn thắm hoét là bài ngô**)

*Đường đá xanh rì lún phún rêu*

(C3: **Khối đá xanh rì**; D16 và E7: **Thềm đá xanh rì**)

*Phảng phất chồi thông con gió thốc*

(B26: **Phấp phới chồi thông**; C3: **Phảng phất cành cây con gió động**; D16: **Phất phờng trời xuân** [nguyên bản Nôm viết 未椿/椿, có lẽ phải đọc là **chồi thông** - NVH]; E7: **Phất phờng mặt xuân** [nguyên bản Nôm viết 未椿/椿, có lẽ phải đọc là **ngọn thông** - NVH])

*Mật mờ ngọn cỏ lúc sương gieo*

(B26: **Dầm dề ngọn cỏ**; C3: **Dầm dia ngọn cỏ**; D16: **Miệt mai ngọn cỏ**; E7: **Mãi miết ngọn cỏ** [nguyên bản Nôm viết 末蔑, đọc **mãi miết** e khiên cường - NVH])

*Hiên nhân quân tử ai mà chẳng*

(D16: **Trẻ già dầu có ai qua đó**; E7: **ai là chẳng**)

*Mỏi gối chồn chân cũng muốn trèo*

(D16: **Mỏi gối chồn chân** [nguyên bản Nôm viết 未躡, có lẽ phải đọc là **rời chân** - NVH])

Công trình khảo cứu của GS Nhan Bảo là một tài liệu có giá trị ở phương diện nghiên cứu tác phẩm thi ca của Hồ Xuân Hương trên văn bản Hán Nôm. Tuy nhiên, độc giả sử dụng bản phiên âm thơ Nôm trong công trình này cũng cần phải thận trọng đối chiếu với bản gốc, vì đôi chỗ phiên âm chưa chuẩn xác, cần xem xét lại.

Tuy còn một số khiếm khuyết ở văn bản phiên âm, nhưng những đóng góp của soạn giả trong công trình này thật đáng trân trọng, đặc biệt là vấn đề nghiên cứu hiện tượng Hồ Xuân Hương. Trong *Lời đề dẫn* của quyển sách, GS Nhan Bảo đã nêu lên những vấn đề hết sức thiết thực đối với tác gia này, như tình trạng chưa thống nhất của học giới Việt Nam trong việc xác định thơ Hồ Xuân Hương; vấn đề sàng lọc thơ bà; vấn đề “dâm” và “tục” khi đánh giá mảng thơ Nôm truyền tụng. Theo ông, thì:

1. Có thể thống nhất nhận xét về Hồ Xuân Hương cho thích đáng với địa vị của bà trong Văn học sử Việt Nam được không?
2. Có cần làm công tác sàng lọc những thơ Hồ Xuân Hương không?
3. Dùng con mắt của thời đại nào để nhận xét vấn đề “dâm” và “tục” trong thơ Hồ Xuân Hương. Có thể dùng con mắt khoan dung và đại lượng hơn để xét vấn đề này được không?

(Nhan Bảo 2000: 11-12)

Với một tầm nhìn sâu sắc, tinh tế ông nêu ra:

Hơn một trăm năm trước, Nguyễn Khuyển, con người đã sống rất gần thời đại Hồ Xuân Hương đã dùng con mắt biện chứng và tâm tình khoan dung để nhận xét thơ Hồ Xuân Hương. Ông so sánh Hồ Xuân Hương với Đỗ Phủ và Lý Bạch của Trung Quốc và cho rằng thơ Hồ Xuân Hương còn át cả Lý Bạch và Đỗ Phủ nữa. Ông nói:

#### **Chữ Hán**

詩聖詩仙世有傳  
縱橫詩鬼是希然  
世人羨聖稱仙美  
詩鬼誰知抑聖仙

#### **Phiên âm**

Thi thánh thi tiên thế hữu truyền  
Tung hoành thi quỷ thị hy nhiên  
Thế (sic!: thế) nhân tiển thánh xưng tiên mỹ  
Thi quỷ thù tri ức thánh tiên

#### **Tạm dịch nghĩa**

Thơ tiên thơ thánh đời có truyền  
Ít thấy thơ ma lẽ hiển nhiên  
Người đời ngưỡng mộ thánh tiên đẹp  
Ai biết thơ ma át thánh tiên  
(Thơ ma: chỉ thơ Hồ Xuân Hương)

Lời nói của Nguyễn Khuyển thật cô đọng, đơn giản, chỉ có 28 chữ, nhưng rất toàn diện, có so sánh, có khen có chê,...

Căn cứ vào những tư liệu kể trên, tôi cho rằng địa vị của Hồ Xuân Hương trên văn đàn Việt Nam rất cao, đó là một sự thực đã được khẳng định rõ rệt.

Nhưng, mỗi khi đọc hết những bài giới thiệu và phân tích cụ thể về Hồ Xuân Hương thì lại không khỏi cảm thấy hơi tiêng tiếc, cũng hơi hoang mang, hình như nom thấy một hòn ngọc vừa bị sây sát mà mất đi rất nhiều ánh hào quang.

Chữ “dâm” và “tục” thường đi sát với tên của Hồ Xuân Hương. Hiện tượng này hình như có mâu thuẫn với địa vị thực tế của bà. Tôi tự hỏi, công tác đánh giá có thể nhất trí với địa vị của bà được không? Câu hỏi này đã làm nảy ra câu hỏi thứ hai là: có cần làm công tác sàng lọc thơ Hồ Xuân Hương không?

(Nhan Bảo 2000: 12-14)

Tiếp theo, ông bàn luận về việc các nhà nghiên cứu như Nguyễn Văn Hoàn, Nguyễn Lộc căn cứ vào tiêu chí “dâm”, “tục” để sàng lọc thơ Hồ Xuân Hương, đồng thời dẫn ra hai dị bản bài *Đánh cờ (Đánh cờ người)* trong tư liệu mà ông sưu tầm được, trong đó có một dị bản không hề “nhây nhụa, bản thiêu” và đặt ra câu hỏi: Có nên xem bài này như là một món “hàng lậu” hay không? Ông bàn tiếp:

*Sau khi đọc hết chùm thơ chữ Nôm, tôi cảm thấy, thơ Hồ Xuân Hương không đến nỗi “dâm” và “tục” như người ta thường nói. Ngoài ra, tôi còn thấy: đời sống của Xuân Hương, cả tinh thần lẫn vật chất đều tương đối phong phú, thung dung, nhàn nhã, chứ không phải là người khốn khó về kinh tế (tuy có một thời kỳ đã gặp nhiều khó khăn), đau thương về tinh thần, và thiếu thốn về nhục dục, đến nỗi điên cuồng mà viết ra những bài thơ “dâm” và “tục”. (Nhan Bảo 2000: 17)*

Người viết dẫn hai bài *Khóc Tử Minh*, cho thấy “sự khác biệt thật là nổi bật” về mặt tình cảm so với bài *Khóc ông phủ Vĩnh Tường* và *Khóc Tổng Cóc*: chúng khác biệt “như chén rượu nồng với gáo nước lã” (Nhan Bảo 2000: 18). Ta thấy, ý kiến trên của Nhan Bảo là tỏ ý không đồng tình với hướng nghiên cứu Hồ Xuân Hương dựa trên thuyết phân tâm học của Freud được xem là quá máy móc, cực đoan.

Gần cuối *Lời đề dẫn*, Nhan Bảo quay lại vấn đề nên nhìn nhận thế nào với hiện tượng “dâm” và “tục” trong thơ Hồ Xuân Hương:

1. Nếu đem loại một số bài, như bài “Đánh cờ người” và bài “Dệtửi” ra khỏi cụm thơ của Hồ Xuân Hương, thì chúng ta có cần dùng chữ “dâm” và “tục” để hình dung thơ Hồ Xuân Hương nữa không?

2. Chúng ta có thể dùng con mắt khoan dung và đại lượng hơn để nhận xét thơ Hồ Xuân Hương được không? Vì nếu đem so sánh thơ Hồ Xuân Hương với một số tác phẩm nổi tiếng của nhiều nước trên thế giới thì thơ Hồ Xuân Hương còn kém xa về “dâm” và “tục” rất nhiều. Xin nêu một số tác phẩm làm thí dụ:

A. “Câu chuyện mười ngày” của Boccace, cũng có cái “dâm” và cái “tục”, hơn nữa còn rất là lộ liễu và cụ thể, nhưng trong mấy trăm năm nay, quyển sách này vẫn được coi như là một tác phẩm nổi tiếng trong kho tàng văn học thế giới.

B. “Kim Bình Mai” của Trung Quốc, cũng là một quyển sách được coi như là sách “dâm”. Nhắc đến mấy chữ “Kim Bình Mai”, có người đã tỏ vẻ e thẹn, hình như đã phạm điều lỗi. Nhưng tới nay “Kim Bình Mai” vẫn giữ một địa vị quan trọng trong những sách nổi tiếng nhất của Trung Quốc. Ông Lỗ Tấn, văn hào nổi tiếng của Trung Quốc đã nói: những ai chưa đọc “Kim Bình Mai” không thể cho mình là đã hiểu văn học Trung Quốc.

*C. Ở Việt Nam, trước kia có câu: “Con trai chó đọc Phan Trần, con gái chó đọc Thuý Vân Thuý Kiều” nhưng nay “Kiều” đã được giải phóng và đã được nâng lên một địa vị rất cao.*

(Nhan Bảo 2000: 19-20)

Tiếp theo, ông đề cập các hiện tượng văn học hiện đại có nội dung “dâm” và “tục” như *Người tình* của M. Duras, được giải Goncourt năm 1985; quyển *Ánh sáng* của nhiều tác giả Việt Nam, được giải thưởng của Báo Văn nghệ Việt Nam năm 1991; quyển *Thành bị vây* của Tiền Chung Thu, từng bị xem là “cuốn bách khoa toàn thư về chuyện phòng kín”, nhưng sau khi được cải biên thành phim thì đã tạo ra cơn sốt, người ta tranh nhau mua truyện, lập cả hội “Tiền học”. Theo ông, với những tác phẩm như vậy, để được đón nhận thì thường phải trải qua một quá trình thử thách của thời gian, cần sự thay đổi trong cách nhìn nhận của người đọc:

*Quá trình từ chỗ bị phê phán đến chỗ được khẳng định là một quá trình biến chuyển. Ta có thể thấy rằng gây nên sự biến chuyển này, nhất quyết không phải vì nội dung của tác phẩm đã thay đổi, mà là vì cách nhận xét của con người đã thay đổi. Người ta đã dùng tinh thần khoan dung hơn, thái độ khách quan và thực tế hơn và dùng mẫu mực công bằng hơn để nhận xét vấn đề, nên vấn đề mới được giải quyết thỏa đáng. Đối với thơ Xuân Hương có lẽ cũng cần phải khách quan hơn, thực tế hơn, thực sự cầu thị hơn, nếu không thì vấn đề Xuân Hương sẽ khó có thể giải quyết được. (Nhan Bảo 2000: 21)*

Có thể nói, những đề nghị mà GS Nhan Bảo nêu ra trong *Lời đề dẫn* của công trình này đã thể hiện một tinh thần khoan dung, hết sức cởi mở; quan điểm về cách tiếp nhận Hồ Xuân Hương mà ông đưa ra rất sâu sắc, đáng được các nhà nghiên cứu quan tâm.

\* \* \*

Ngoài GS Nhan Bảo và chuyên gia La Trường Sơn ra, hiện tại ở Trung Quốc còn có một số người lưu tâm nghiên cứu chuyên sâu Hồ Xuân Hương, tiêu biểu là Tạ Na Phi và Kỳ Quảng Mưu. Nội dung nghiên cứu chính yếu của hai nhà nghiên cứu này là: *Tìm hiểu thơ Hồ Xuân Hương từ góc độ ảnh hưởng của văn hóa Hán; Tìm hiểu phức cảm Nho, Phật, Đạo tiềm tàng trong thơ Hồ Xuân Hương; Tiếp nhận thơ Hồ Xuân Hương từ góc độ ý thức nhân văn*. Cũng có một số người như Dư Phú Triệu, Lý Ninh Ninh *tiếp nhận thơ Hồ Xuân Hương từ góc độ văn học nữ giới và văn học so sánh*. Đây là những tài liệu có thể tham khảo, góp phần khơi gợi hướng nghiên cứu Hồ Xuân Hương cho học giới Việt Nam và cho những ai quan tâm đến việc nghiên cứu văn học nữ giới và so sánh văn học nữ giới Trung - Việt thời cổ.

Tóm lại, các nhà nghiên cứu Trung Quốc thế hệ sau Nhan Bảo, La Trường Sơn chỉ mới bước đầu thâm nhập thơ Hồ Xuân Hương, nội lực nghiên cứu hãy còn hạn chế. Hiện tại việc nghiên cứu chuyên sâu về Hồ Xuân Hương vẫn chưa có sự tham gia của những chuyên gia, học giả nổi tiếng, am tường tiếng Việt như Nhan Bảo và La Trường Sơn. Với những công trình hiện có, chúng tôi cảm nhận rằng, việc giới thiệu, nghiên cứu Hồ Xuân Hương

trong thế giới Hán ngữ vẫn chưa xứng tầm với một tác gia lớn được xưng tụng là “Bà chúa thơ Nôm”, là “Nữ thi thánh”. Điều này đòi hỏi học giới Việt Nam cần nỗ lực nhiều hơn nữa trong công tác quảng bá văn học Việt Nam ra thế giới. Đó là vinh dự và cũng là trách nhiệm của mỗi nhà nghiên cứu.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nhan Bảo. 2000. *Phát hiện mới về Hồ Xuân Hương*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
2. Chu Duy Chi, Lôi Thạch Du, Lương Lập Cơ (chủ biên) 朱维之、雷石榆、梁立基. 1983. *Á Phi văn học sử - Đệ thập chương “Trung cổ Việt Nam văn học”* 《亚非文学史》第十章 <中古越南文学>. Bắc Kinh 北京: Trung Quốc Nhân dân Đại học xuất bản xã 中国人民大学出版社.
3. Nguyễn Lộc. 1982. *Thơ Hồ Xuân Hương*. Hà Nội: NXB Văn học.
4. Kỳ Quảng Mưu 祁广谋. 2015. “Việt Nam cổ đại nữ thi nhân Hồ Xuân Hương Nôm tự thi ca đích nhân văn ý thức 越南古代女诗人胡春香喃字诗歌的人文意识”, *Đông Nam Á tung hoành* 《东南亚纵横》, số 5, tr.46-51.
5. Lý Ninh Ninh 李宁宁. 2017. “Trung Việt nữ thi nhân Tiết Đào dữ Hồ Xuân Hương thi ca trung nữ tính ý thức chi tỉ giáo 中越女诗人薛涛与胡春香诗歌中女性意识之比较”. *Hồng Hà Học viện Học báo* 《红河学院学报》, số 3, tr.19-22.
6. Nguyễn Khắc Phi 阮克披. 1997. “Hồ Xuân Hương thi ca tại quốc ngoại đích nghiên cứu dữ phiên dịch 胡春香诗歌在国外的研究与翻译”. Lý Hoa dịch 李华译. *Đông Nam Á tung hoành* 《东南亚纵横》, số 3, tr.3.
7. Nguyễn Khắc Phi. 2001. “Vài nét về thơ Hồ Xuân Hương ở nước ngoài”, in trong *Mối quan hệ giữa văn học Việt Nam và văn học Trung Quốc qua cái nhìn so sánh*. NXB Giáo Dục. tr.196-198.
8. Tạ Na Phi 谢娜菲. 2004. “Lược luận Việt Nam nữ thi nhân Hồ Xuân Hương đích Nho Phật Đạo tình kết 略论越南女诗人胡春香的儒释道情结”. *Quảng Tây Sư phạm Học viện Học báo* (Triết học Xã hội khoa học bản) 《广西师范学院学报》(哲学社会科学版), số 1 quyển 25 tháng 1, tr.85-89.
9. Tạ Na Phi 谢娜菲. 2007a. “Việt Nam thi nhân Hồ Xuân Hương thi ca tư tưởng ý uẩn chi thám tích 越南诗人胡春香诗歌思想意蕴之探析”. *Quảng Tây Sư phạm Học viện Học báo* (Triết học Xã hội khoa học bản) 《广西师范学院学报》(哲学社会科学版), số 2 quyển 28 tháng 4, tr. 102-107.
10. Tạ Na Phi 谢娜菲. 2007b. “Giải độc Việt Nam thi nhân Hồ Xuân Hương thi ca trung đích Hán văn hoá cơ nhân 解读越南诗人胡春香诗歌中的汉文化基因”. *Quảng Tây Dân tộc Đại học Học báo* (Triết học Xã hội khoa học bản) 《广西民族大学学报》(哲学社会科学版), số 4 quyển 29 tháng 7, tr.77-80.

11. Tạ Na Phi 谢娜菲.2010. “Trung Việt cổ đại nữ tính văn học chi tỉ giáo 中越古代女性文学之比较”. *Thanh niên văn học gia* 《青年文学家》, số 16, tr.26-28.
12. La Trường Sơn 罗长山. 1993. “Việt Nam cổ đại nữ thi nhân Hồ Xuân Hương hoà tha đích thi 越南古代女诗人胡春香和她的诗”. *Đông Nam Á tung hoành* 《东南亚纵横》, số 4, tr.30-34.
13. La Trường Sơn dịch 罗长山译. 1995. “*Lưu Hương ký* Hán Nôm thi văn tuyển 琉香记汉喃诗文选”. *Đông Nam Á tung hoành* 《东南亚纵横》, số 2, tr.14-19.
14. La Trường Sơn 罗长山.1999. “Hồ Xuân Hương đề Hạ Long loan thi ngũ thủ dịch chú dữ bình giới 胡春香题下龙湾诗五首译注与评介”. *Quảng Tây Giáo dục Học viện Học báo* 《广西教育学院学报》, số 5, tr.148-154.
15. La Trường Sơn 罗长山.2000. “Hồ Xuân Hương đề Hạ Long loan thi ngũ thủ dịch chú dữ bình giới [tiếp theo số 5-1999] 胡春香题下龙湾诗五首译注与评介 [接1999年 第5期]”. *Quảng Tây Giáo dục Học viện Học báo* 《广西教育学院学报》, số 4, tr.76-80.
16. La Trường Sơn chú dịch và bình giải 罗长山译注与评介. 2001. Nhan đề tiếng Việt: *Tuyển tập thơ Hán Nôm Hồ Xuân Hương*. Nhan đề tiếng Hán: *Việt Nam Nữ thi thánh Hồ Xuân Hương Hán Nôm truyền tụng thi tuyển* 《越南女诗圣胡春香汉喃传诵诗选》. Hà Nội: NXB Thế Giới.
17. Dư Phú Triệu 余富兆.1999. “Việt Nam cổ đại nữ tính văn học 越南古代女性文学”. *Đông Nam Á tung hoành* 《东南亚纵横》, số 2, tr.18-24.
18. *Trung Quốc đại bách khoa toàn thư - Ngoại quốc văn học I* 《中国大百科全书。外国文学I》. 1985. In lần thứ 4 第4次印刷. Bắc Kinh - Thượng Hải 北京上海: Trung Quốc Đại bách khoa toàn thư xuất bản xã 中国大百科全书出版社.